TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11 -2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Phan Thị Phương Thảo;**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương;**

2. Bà **Võ Thị Điệp;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hồ Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng G, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp B, xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Thành Q, sinh năm 1978.

HKTT: Tổ 30, khóm B, phường M, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp B, xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng G trình bày*:**

- **Về hôn nhân:** Chị G và anh Q kết hôn vào ngày 19/5/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cao L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/02/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó nảy sinh mâu thuẫn, cự cãi. Chị G có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị G yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Kim A, sinh ngày 25/01/2013 và Lê Mỹ T, sinh ngày 11/11/2015, hiện con chung đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn: Lê Thành Q – Nguyễn Hồng G (bản chính);

- Giấy khai sinh của Lê Kim A (bản sao chứng thực);

- Trích lục khai sinh số 119/TLKS-BS ngày 29/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã Ba S tên Lê Mỹ T (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn và nuôi con. Địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Thành Q là bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Theo lời trình bày của chị G thì chị và anh Q đã tổ chức đám cưới vào ngày 19/5/2012. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/02/2013 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cao L thì chị G và anh Q có đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2013. Như vậy có căn cứ xác định hôn nhân của chị G và anh Q là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Năm 2016, chị G nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh Q, sau đó chị G rút đơn cho anh Q cơ hội để hàn gắn tình cảm, nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Nay chị G yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa. Về phía anh Q là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận định anh Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị G trình

bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

[4] Về nuôi con: Chị G và anh Q có 02 con chung tên Lê Kim A, sinh ngày 25/01/2013 và Lê Mỹ T, sinh ngày 11/11/2015, hiện chị G và anh Q nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, hiện cháu Kim A và cháu T đang chung sống với chị G ổn định. Phía anh Q lại không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, việc chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Anh Q không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn nên có quyền yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị G không đưa ra yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Chị G trình bày không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng G.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng G được ly hôn với anh Lê Thành Q.

2. Về nuôi con: Chị Nguyễn Hồng G được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Kim A, sinh ngày 25/01/2013 và Lê Mỹ T, sinh ngày 11/11/2015. Anh Lê Thành Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000903, ngày 05/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND P M; tp Cao L;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Phương Thảo